

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2026/DS-ST
Ngày: 13-8-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Long**
2. Ông **Trần Hoàng Giang**

-Thư ký phiên toà: Bà **Trần Mai Phụng**, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – **Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long**.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2026/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2026/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1969; cư trú tại **ấp A, xã N, tỉnh Vĩnh Long** (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969; cư trú tại **ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long** (vắng mặt).

2. Ông **Châu Văn S**, sinh năm 1967; cư trú tại **ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn X** trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2025, ông **X** có tham gia chơi 04 dây hụi tiền do bà **T** làm đầu thảo (chủ hụi). Cụ thể như sau:

- Dây hụi số 01: Khai (mở) hụi vào ngày 30/5/2023 âm lịch (nhằm ngày 17/7/2023 dương lịch), loại hụi tiền 2.000.000 đồng, dây hụi gồm 32 phần, ông **X** tham gia 01 phần, mỗi tháng kêu hụi một lần và mỗi lần kêu hụi đầu thảo hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng. Đối với dây hụi này ông **X** đã đóng hụi sống được 30 lần, với tổng số tiền là 45.000.000 đồng.

- Dây hụi số 02: Khai (mở) hụi ngày 15/11/2024 âm lịch (nhằm ngày 15/12/2024 dương lịch), mần (kết thực) hụi ngày 15/5/2026 âm lịch (nhằm ngày

28/7/2026 dương lịch), loại hui tiền 2.000.000 đồng, dây hui gồm 31 phần, ông X tham gia 03 phần, mỗi tháng kêu hót hui một lần và mỗi lần kêu hót hui đầu thảo hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng. Đối với dây hui này ông X đã đóng hui sống mỗi phần được 12 lần, với tổng số tiền là 54.000.000 đồng.

- Dây hui số 03: Khai (mở) hui ngày 10/02/2025 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2025 dương lịch), mãn (kết thúc) hui ngày 10/8/2028 âm lịch, loại hui tiền 1.000.000 đồng, dây hui gồm 35 phần, ông X tham gia 02 phần, mỗi tháng kêu hót hui một lần và mỗi lần kêu hót hui đầu thảo hưởng hoa hồng là 500.000 đồng. Đối với dây hui này ông X đã đóng hui sống mỗi phần được 09 lần, với tổng số tiền là 12.600.000 đồng.

- Dây hui số 04: Khai (mở) hui ngày 10/02/2025 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2025 dương lịch), mãn (kết thúc) hui ngày 10/8/2028 âm lịch, loại hui tiền 1.000.000 đồng, dây hui gồm 35 phần, ông X tham gia 01 phần, mỗi tháng kêu hót hui một lần và mỗi lần kêu hót hui đầu thảo hưởng hoa hồng là 500.000 đồng. Đối với dây hui này ông X đã đóng hui sống được 09 lần, với số tiền là 6.300.000 đồng.

Tổng cộng ông X đã đóng hui sống cho bà T được số tiền 117.900.000 đồng. Đến tháng 12/2025, bà T tuyên bố vỡ hui và đến nay vẫn chưa trả lại tiền hui cho ông X.

Ngoài ra, ông X xác định ông S là chồng của bà T biết việc ông tham gia chơi hui do bà T làm đầu thảo, ông S cũng có đi gom tiền hui. Đồng thời, số tiền hui bà T sử dụng vào việc trang trải kinh tế chung trong gia đình.

Do đó, ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T và ông S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền hui là 117.900.000 đồng. Ông X không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hoà giải ngày 30/6/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T xác định lời trình bày của nguyên đơn ông X về việc các bên tham gia chơi hui, hiện nay bà còn nợ ông X số tiền hui là 117.900.000 đồng đúng như ông X trình bày và bà T đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền hui là 117.900.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông S biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng ông S không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2026; ngày 22/6/2026; ngày 30/6/2026; phiên tòa ngày 04/8/2026 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập họp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự tranh chấp hợp đồng góp hui là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn bà **T** và ông **S** có nơi cư trú tại **xã N, tỉnh Vĩnh Long**. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông **S** đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông **S** là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2025, bà **T** có tổ chức mở 04 dây hui tiền 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng do bà **T** làm đầu thảo (Chủ hui), ông **X** có tham gia chơi 04 dây hui, ông **X** đã đóng hui sống được số tiền 117.900.000 đồng và hiện nay bà **T** còn nợ ông **X** số tiền hui là 117.900.000 đồng là có thật. Bởi, những sự việc này các đương sự có lập giấy chơi hui bằng văn bản và được bà **T** và ông **X** thừa nhận.

Hiện nay giữa bà **T** và ông **X** thoả thuận bà **T** đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông **X** số tiền hui là 117.900.000 đồng. Xét sự thoả thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến năm 2025, ông **S** và bà **T** là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho ông **S** biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của ông **X**, nhưng ông **S** không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến phản đối. Do đó cần buộc ông **S** cùng với bà **T** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **X** số tiền hui 117.900.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 15; Điều 18; Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn X**. Buộc bà **Nguyễn Thị T** và ông **Châu Văn S** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Nguyễn Văn X** số tiền hui là 117.900.000 đồng (một trăm mười bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Nguyễn Thị T** và ông **Châu Văn S** phải chịu số tiền 5.895.000 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Ông **Nguyễn Văn X** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.947.500 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005827 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VK SND khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2- Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tấn Đồng

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 13 tháng 8 năm 2026.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Tấn Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Long

2/ Ông Trần Hoàng Giang

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 176/2026/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2026/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn Xem**, sinh năm 1969; cư trú tại ấp An Thạnh, xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Bà **Nguyễn Thị Tạm**, sinh năm 1969; cư trú tại ấp Mỹ An, xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Ông **Châu Văn Sum**, sinh năm 1967; cư trú tại ấp Mỹ An, xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

*Ý kiến thảo luận của Hội thẩm ông Nguyễn Thành Long:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự tranh chấp hợp đồng góp hội là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn bà Tạm và ông Sum có nơi cư trú tại xã Ngãi Tứ, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Sum đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Sum là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023 đến tháng 3/2025, bà Tạm có tổ chức mở 04 dây hội tiền 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng do bà Tạm làm đầu thảo (Chủ hội), ông Xem có tham gia chơi 04 dây hội, ông Xem đã đóng hội sống được số tiền 117.900.000 đồng và hiện nay bà Tạm còn nợ ông Xem số tiền hội là 117.900.000

đồng là có thật. Bởi; những sự việc này các đương sự có lập giấy chơi hui bằng văn bản và được bà Tạm và ông Xem thừa nhận.

Hiện nay giữa bà Tạm và ông Xem thoả thuận bà Tạm đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông Xem số tiền hui là 117.900.000 đồng. Xét sự thoả thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến năm 2025, ông Sum và bà Tạm là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho ông Sum biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của ông Xem, nhưng ông Sum không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến phản đối. Do đó cần buộc ông Sum cùng với bà Tạm có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Xem số tiền hui 117.900.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Hội thẩm Trần Hoàng Giang thống nhất với ý kiến thảo luận của Hội thẩm Nguyễn Thành Long.

*Ý kiến chủ tọa, thống nhất với ý kiến thảo luận của hai vị Hội thẩm, bổ sung quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu theo Luật Thi hành án dân sự, quy định về quyền kháng cáo theo luật định cho các đương sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất 3/3 (đạt 100%) quyết định các vấn đề cần giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 30 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 15; Điều 18; Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Xem. Buộc bà Nguyễn Thị Tạm và ông Châu Văn Sum có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Xem số tiền hui là 117.900.000 đồng (một trăm mười bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Tạm và ông Châu Văn Sum phải chịu số tiền 5.895.000 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn Xem được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.947.500 đồng (hai triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005827 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ